

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

### VN-Index

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| VN-Index              | 500.10  | ↑ 3.54   | 0.71%   |
| KLGD (triệu ck)       | 40.45   | ↑ 6.03   | 17.52%  |
| GTGD (tỷ đồng)        | 848.95  | ↑ 200.62 | 30.94%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 53.63   | ↓ -74.58 | -58.17% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 64.04   | ↓ -70.39 | -52.36% |
| <b>Giao dịch NN</b>   |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 2.85    | ↑ 0.54   | 23.47%  |
| KL bán (triệu ck)     | 3.54    | ↑ 0.85   | 31.79%  |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 141.83  | ↑ 55.42  | 64.13%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 152.03  | ↑ 49.21  | 47.86%  |

### HNX-Index

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| HNX-Index             | 62.17   | ↓ -0.04  | -0.06%  |
| KLGD (triệu ck)       | 20.47   | ↑ 5.68   | 38.38%  |
| GTGD (tỷ đồng)        | 163.22  | ↑ 32.13  | 24.51%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 38.96   | ↑ 10.00  | 34.53%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 39.94   | ↑ 2.64   | 7.09%   |
| <b>Giao dịch NN</b>   |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 0.41    | ↓ -0.09  | -17.25% |
| KL bán (triệu ck)     | 1.80    | ↓ -0.55  | -23.37% |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 4.85    | ↓ -0.17  | -3.34%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 22.87   | ↑ 2.17   | 10.49%  |

### Diễn biến chỉ số giá bộ chỉ số PVN-Index

| Chỉ số                   | Giá cuối cùng | Thay đổi | % Thay đổi |
|--------------------------|---------------|----------|------------|
| PVN 10                   | 786.35        | ↑ 4.75   | 0.61       |
| PVN ALL SHARE CONTINUOUS | 1137.91       | ↑ 25.95  | 2.33       |
| PVN ALLSHARE             | 1178.01       | ↑ 26.85  | 2.33       |
| PVN ALLSHARE HNX         | 656.13        | ↑ 0.62   | 0.1        |
| PVN ALLSHARE HSX         | 1222.75       | ↑ 30.53  | 2.56       |
| PVN Vật Liệu Cơ Bản      | 1185.51       | → 0      | 0          |
| PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng    | 1548.99       | ↑ 31.97  | 2.11       |
| PVN Tài Chính            | 517.84        | ↑ 3.19   | 0.62       |
| PVN Công Nghiệp          | 410.5         | ↓ -15.77 | -3.7       |
| PVN Dầu Khí              | 1070.71       | ↑ 30.12  | 2.89       |
| PVN Dịch Vụ Tiện Ích     | 707.89        | ↑ 0.45   | 0.06       |

### So sánh các chỉ số chính

|                 | Đóng cửa phiên gần nhất | % Thay đổi trong phiên gần nhất | % Thay đổi so với cuối tuần trước | % Thay đổi so với đầu năm 2012 |
|-----------------|-------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| VN-Index        | 500.10                  | ↑ 1.30%                         | ↑ 1.10%                           | ↑ 42.89%                       |
| VN30-Index      | 553.48                  | ↑ 1.28%                         | ↑ 1.26%                           | ↑ 43.66%                       |
| PVNAllshare HSX | 1222.75                 | ↑ 3.42%                         | ↑ 2.74%                           | ↑ 137.49%                      |
| HNX-Index       | 62.17                   | ↑ 0.45%                         | ↓ -0.05%                          | ↑ 9.47%                        |
| HNX30-Index     | 115.36                  | ↑ 0.10%                         | ↑ 0.12%                           | ↑ 15.36%                       |
| PVNAllshare HNX | 656.13                  | ↓ -0.12%                        | ↑ 0.16%                           | ↑ 20.77%                       |
| PVNAllshare     | 1178.01                 | ↑ 3.09%                         | ↑ 2.44%                           | ↑ 128.64%                      |
| PVN 10          | 786.35                  | ↑ 2.37%                         | ↑ 1.97%                           | ↑ 19.37%                       |

### Nhận định thị trường:

Theo thông tin được đăng tải trên Bloomberg, Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) sẽ mua số nợ xấu với tổng giá trị khoảng 10 nghìn tỷ đồng (tương đương 474 triệu USD) trong hai tháng tới. Công ty này cũng đang cân nhắc về việc tiếp cận các nguồn vốn từ nước ngoài.

Thị trường giao dịch phiên hôm nay có thiên hướng tích cực lên khá nhiều. Mặc dù đã có những dấu hiệu từ vài phiên trước về sự tích cực này nhưng chúng tôi cho rằng thông tin liên quan tới hoạt động ban đầu của VAMC đã có tác động một phần tới tâm lý thị trường. Về tác động này, chúng tôi cho rằng có 3 yếu tố tích cực và cho thấy tương lai dài hạn của công cuộc xử lý nợ xấu:

- VAMC đã bắt đầu có động thái cụ thể trong tuần tới này là điều mà nhiều nhà đầu tư đang quan tâm. Dự kiến VAMC mua khoảng 10.000 tỷ nợ xấu trong 2 tháng tới. NHNN đặt chỉ tiêu năm 2013 VAMC xử lý khoảng 70.000 tỷ nợ xấu.
- VAMC cân nhắc tới việc tiếp cận nguồn vốn từ nước ngoài. Đây là điều mà rất nhiều nhà đầu tư và chuyên gia đã quan tâm trước đây: nguồn vốn để tăng cường hoạt động của VAMC và chúng tôi cũng cho rằng việc cân nhắc nguồn vốn từ NĐT nước ngoài là tiến triển rất tích cực.
- Cuối năm nay, VAMC sẽ kiến nghị NHNN cho phép công ty này mua nợ xấu theo giá thị trường sau năm 2013.

VN-Index hôm nay đã vượt kháng cự 500 điểm với sự gia tăng tích cực của yếu tố thanh khoản. Chúng tôi đã có nhận định trong các bản tin trước khi nâng mức dự báo VNIndex có thể dao động tăng dần với mục tiêu khoảng 520 điểm trong ngắn hạn. Độ rộng của thị trường đang được mở ra rất tích cực và mức tăng của chỉ số chủ yếu từ diễn biến tích cực trên diện rộng nhiều bluechips sàn HSX chứ không phải do các cổ phiếu vốn hóa lớn.

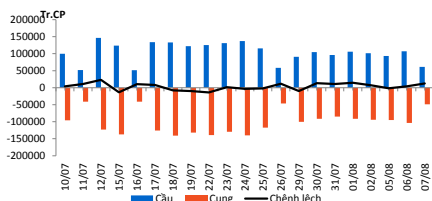
Trên sàn HNX, thanh khoản cải thiện không đáng kể. Các phản ứng tăng nhẹ có khả năng chủ yếu là do ảnh hưởng tích cực về mặt tâm lý từ sàn HSX. Rủi ro ngắn hạn trên HNX tương đối cao do các chỉ tiêu cơ bản không so sánh bằng với HSX.

Nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục gia tăng tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục lên mức 50 – 60% tài khoản, tuy nhiên nên ưu tiên các cổ phiếu trên sàn HSX đang nhận được hội tụ của dòng tiền.

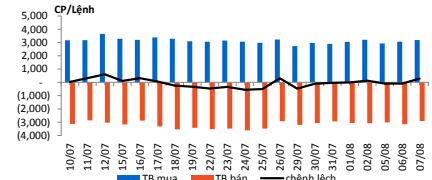
## TÓM TẮT DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TRONG PHIÊN

### Diễn biến sàn Hồ Chí Minh

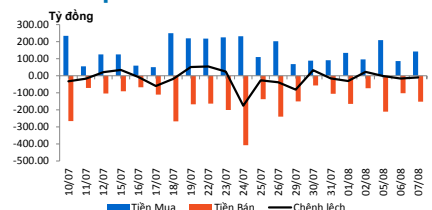
#### Cung cầu



#### Trung bình lệnh mua/bán



#### Giao dịch NĐTNN



Sau 15 phút giao dịch, VN-Index tăng nhẹ 0.47 điểm, tương ứng 0.09% lên mức 497.03 điểm. Khối lượng giao dịch rất thấp khi chỉ đạt gần 1.5 triệu đơn vị, tương ứng hơn 26.7 tỷ đồng. FLC sau khi chuyển qua giao dịch tại HOSE từ ngày 06/08 tiếp tục là cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất với hơn 550 ngàn đơn vị. HAR đã không còn giảm sàn và hiện đứng tại mức giá tham chiếu 10,500 đồng/cp. Trong các mã có vốn hóa lớn như BVH, GAS, MSN, VIC, VNM, VCB thì chỉ có GAS tăng điểm, VIC giảm nhẹ còn lại đều đứng tham chiếu. Khối lượng giao dịch tại các mã này không nhiều. Các cổ phiếu lớn khác như CSM, PET, DRC, GMD, FPT, HPG, HSG, PPC, ... đều đang tăng điểm và là nhân tố kéo thị trường tăng nhẹ lúc này.

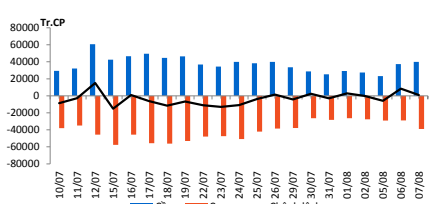
VN-Index đóng cửa tăng 3.79 điểm, tương ứng 0.76% và chính thức quay lại test mốc 500 điểm nhưng khối lượng giao dịch chưa có dấu hiệu cải thiện khi chỉ đạt hơn 20.6 triệu đơn vị.

Cuối phiên, VN-Index tăng 3.54 điểm, tương ứng 0.71% lên mức 500.1 điểm.

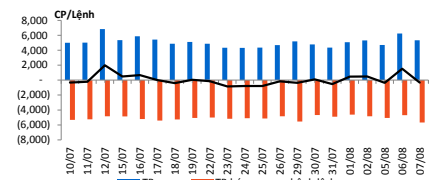
Thanh khoản được cải thiện đáng kể so với phiên giao dịch trước khi kết thúc phiên đạt hơn 40.4 triệu đơn vị, tương ứng 848.94 tỷ đồng. Giao dịch chủ yếu diễn ra ở các mã bất động sản với FLC là nhân tố chủ chốt. Kết phiên, FLC giao dịch gần 3.6 triệu đơn vị nhưng giá FLC giảm 100 đồng/cp về mức 5,600 đồng/cp. ITA, HQC, REE đều giao dịch trên 1 triệu đơn vị.

### Diễn biến sàn Hà Nội

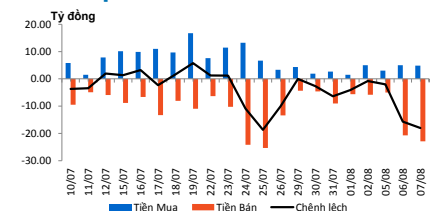
#### Cung cầu



#### Trung bình lệnh mua/bán



#### Giao dịch NĐTNN



Sàn HNX, mở phiên giao dịch PVX bất ngờ bị xả hàng rất mạnh. Sau 15 phút đầu phiên, khối lượng giao dịch của PVX đạt hơn 2 triệu đơn vị, giá giảm 300 đồng/cp, tương ứng 6.7% về mức sát giá sàn 4,100 đồng/cp. Trong tổng lượng khớp lệnh thì có đến hơn một ½ là ở mức giá sàn.

Ngoài PVX, VCG, VGS cũng giảm điểm làm chỉ số HNX-Index 15 phút đầu giảm 0.07 điểm, tương ứng 0.11% về mức 62.27 điểm. Tuy nhiên, khối lượng giao dịch vẫn duy trì ở mức thấp khi chỉ đạt gần 3 triệu đơn vị và tập trung chủ yếu ở PVX.

Chỉ số HNX-Index kết thúc phiên sáng quay đầu giảm nhẹ 0.06 điểm, tương ứng 0.1% về còn 62.27 điểm. Khối lượng giao dịch hơn 12 triệu đơn vị, tương ứng 100.51 tỷ đồng.

PVX giảm 300 đồng/cp về sát mức giá sàn 4,100 đồng. Khối lượng giao dịch hơn 4.9 triệu đơn vị, chiếm hơn 1/3 tổng khối lượng toàn HNX. PGS, FIT giao dịch cũng gần 1 triệu đơn vị.

Cuối phiên, chỉ số HNX-Index vẫn chưa thể quay đầu khi kết phiên giảm 0.16 điểm, tương ứng 0.26% về mức 62.17 điểm. Khối lượng giao dịch cũng được cải thiện nhưng không đáng kể khi chỉ có gần 21.15 triệu đơn vị được giao dịch.

PVX tiếp tục bị bán tháo trong phiên chiều; đóng cửa, PVX giảm sàn với khối lượng giao dịch chiếm gần 1/3 sàn HNX, gần 6.7 triệu đơn vị.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Đồ thị chỉ số VN-Index



Đồ thị chỉ số HNX-Index

### Chỉ tiêu kỹ thuật của VN-index

| Xu thế    | Thời gian    | Trạng thái |
|-----------|--------------|------------|
| Ngắn hạn  | 1 - 4 tuần   | Tăng       |
| Trung hạn | 1 - 3 tháng  | Dao động   |
| Dài hạn   | trên 6 tháng | Tăng       |

### Chỉ tiêu đánh giá ngắn hạn

|                     |          |
|---------------------|----------|
| Chu kỳ ngắn hạn     | Tăng     |
| Thanh khoản         | Yếu      |
| Đánh giá dòng tiền  | Yếu      |
| Trạng thái ngắn hạn | Tăng nhẹ |
| Tín hiệu mua/bán    | MUA      |

### Các ngưỡng quan trọng

|            | Điểm | Đánh giá |
|------------|------|----------|
| Kháng cự 1 | 500  | **       |
| Kháng cự 2 | 530  | ***      |
| Kháng cự 3 |      |          |
| Hỗ trợ 1   | 470  | **       |
| Hỗ trợ 2   | 450  | **       |
| Hỗ trợ 3   | 420  | ***      |

Ghi chú đánh giá các ngưỡng kỹ thuật: (\*) Yếu; (\*\*) Trung Bình; (\*\*\*) Mạnh; (\*\*\*\*) Rất mạnh

### Chỉ tiêu kỹ thuật của HNX-Index

| Xu thế    | Thời gian    | Trạng thái |
|-----------|--------------|------------|
| Ngắn hạn  | 1 - 4 tuần   | Tăng       |
| Trung hạn | 1 - 3 tháng  | N/A        |
| Dài hạn   | trên 6 tháng | N/A        |

### Chỉ tiêu đánh giá ngắn hạn

|                     |      |
|---------------------|------|
| Chu kỳ ngắn hạn     | Tăng |
| Thanh khoản         | Yếu  |
| Đánh giá dòng tiền  | Yếu  |
| Trạng thái ngắn hạn | Tăng |
| Tín hiệu mua/bán    | MUA  |

### Các ngưỡng quan trọng

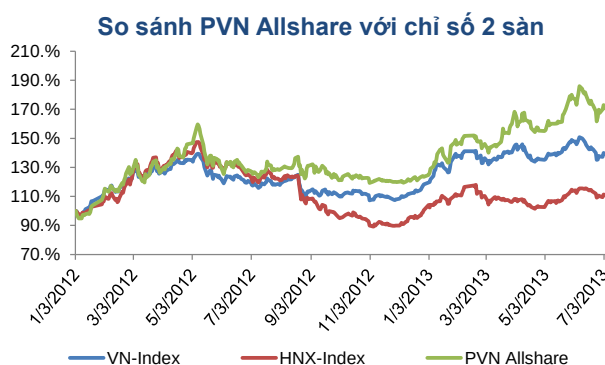
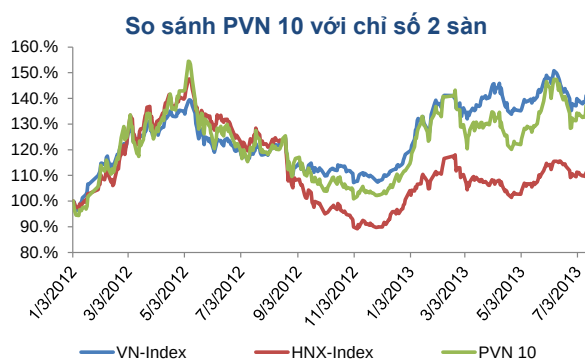
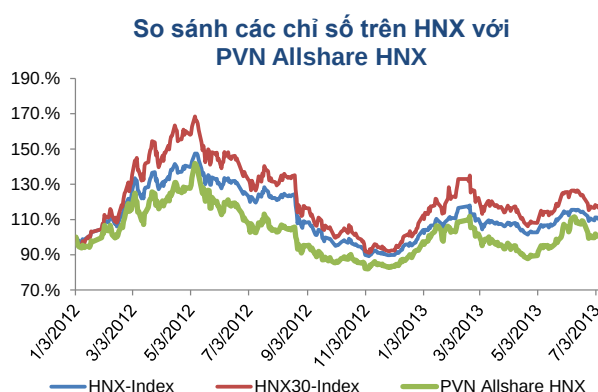
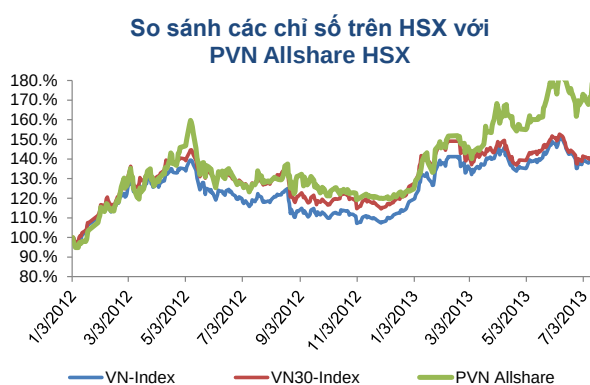
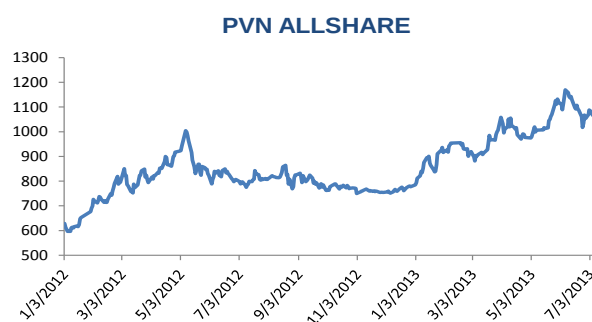
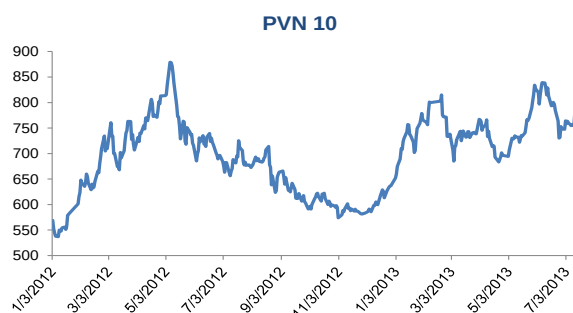
|            | Điểm | Đánh giá |
|------------|------|----------|
| Kháng cự 1 | 62   | ***      |
| Kháng cự 2 | 65   | **       |
| Kháng cự 3 |      |          |
| Hỗ trợ 1   | 60   | *        |
| Hỗ trợ 2   | 57   | ***      |
| Hỗ trợ 3   |      |          |

Ghi chú đánh giá các ngưỡng kỹ thuật: (\*) Yếu; (\*\*) Trung Bình; (\*\*\*) Mạnh; (\*\*\*\*) Rất mạnh

# DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI &lt;GO&gt;

www.pvnindex.vn



## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 9 mã cổ phiếu đứng giá, 9 mã giảm giá và 10 mã tăng giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,22% và tổng khối lượng giao dịch đạt mức 13,672 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 07/08:

| STT | Mã  | Tên công ty                                           | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Sàn   |
|-----|-----|-------------------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|-------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị                  | 6,100.0            | 100       | ↑ 8.93        | 0.54  | 16.49         | HNX   |
| 2   | PCT | CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long                         | 3,600.0            | 300       | ↓ -2.70       | 0.35  | 32.73         | HNX   |
| 3   | PFL | Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô                       | 2,000.0            | 73,600    | ↓ -4.76       | 0.12  | 0.20          | HNX   |
| 4   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam                 | 20,000.0           | 1,339,350 | ↑ 1.52        | 1.64  | 1.33          | HNX   |
| 5   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam       | 9,200.0            | -         | → 0.00        | #N/A  | #N/A          | #N/A  |
| 6   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam                 | 1,800.0            | 1,400     | → 0.00        | 0.16  | 0.99          | #N/A  |
| 7   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                              | 6,100.0            | 7,700     | ↓ -1.61       | 0.60  | N/A           | HNX   |
| 8   | PVC | Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP | 15,600.0           | 257,700   | ↑ 0.65        | 0.93  | 2.33          | HNX   |
| 9   | PVE | Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP             | 6,100.0            | 35,700    | ↓ -1.61       | 1.07  | 2.79          | HNX   |
| 10  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc                 | 8,200.0            | 26,900    | ↓ -1.20       | 0.53  | 5.90          | HNX   |
| 11  | PVI | Công ty Cổ phần PVI                                   | 16,200.0           | 19,900    | ↑ 3.18        | 0.69  | 8.18          | HNX   |
| 12  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam      | 3,800.0            | 3,400     | ↑ 5.56        | 0.36  | 1.78          | HNX   |
| 13  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam           | 16,100.0           | 625,919   | ↑ 0.63        | 1.36  | 4.30          | HNX   |
| 14  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam                    | 4,100.0            | 6,691,238 | ↓ -8.89       | 0.18  | 1.54          | HNX   |
| 15  | GAS | Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP                      | 67,500.0           | 756,860   | ↑ 3.05        | 5.45  | 21.63         | HSX   |
| 16  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP        | 40,900.0           | 813,300   | → 0.00        | 2.45  | 6.61          | HSX   |
| 17  | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam                          | 34,300.0           | 52,890    | ↓ -1.72       | 1.57  | 4.17          | HSX   |
| 18  | GSP | CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế                     | 8,500.0            | 32,390    | ↑ 1.19        | 0.73  | 6.20          | HSX   |
| 19  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí                    | 22,100.0           | 736,210   | ↑ 3.27        | 1.26  | 5.44          | HSX   |
| 20  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam           | 28,800.0           | 372,350   | ↓ -0.69       | 1.41  | 4.07          | HSX   |
| 21  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí                 | 2,300.0            | 115,000   | → 0.00        | 0.22  | 1.78          | HSX   |
| 22  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí              | 53,000.0           | 746,680   | ↑ 2.91        | 1.79  | 10.41         | HSX   |
| 23  | PVF | Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam       | 6,600.0            | 398,970   | ↓ -1.49       | 0.58  | 8.35          | HSX   |
| 24  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                             | 5,800.0            | 470,560   | → 0.00        | 0.59  | 52.73         | HSX   |
| 25  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí          | 3,400.0            | 32,110    | → 0.00        | 0.33  | 2.27          | HSX   |
| 26  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung                       | 1,100.0            | 14,320    | → 0.00        | 0.10  | 0.57          | HSX   |
| 27  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí              | 10,200.0           | 31,740    | → 0.00        | 0.77  | 3.06          | HSX   |
| 28  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí                | 2,900.0            | 15,430    | → 0.00        | 0.27  | 1.91          | HSX   |
| 29  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2                    | 4,500.0            | 2,100     | ↓ -8.16       | 0.39  | 4.61          | UPCOM |
| 30  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                        | 4,700.0            | -         | ↓ -2.08       | 0.72  | 0.00          | UPCOM |
| 31  | PSP | CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ                     | 7,100.0            | 2,400     | ↑ 2.90        | 0.46  | 13.58         | UPCOM |
| 32  | PSB | CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình                | 2,800.0            | 900       | → 0.00        | 0.39  | 3.95          | UPCOM |
| 32  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương                       | 5,400.0            | 100       | ↓ -18.18      | 0.34  | N/A           | UPCOM |



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

### HSX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| GAS | 65,500     | 67,500   | 3.05  | 50,664,240                         |
| VNM | 146,000    | 145,000  | -0.68 | 71,195,200                         |
| PVD | 51,500     | 53,000   | 2.91  | 39,122,970                         |
| FPT | 45,200     | 46,300   | 2.43  | 48,631,282                         |
| DPM | 40,900     | 40,900   | 0.00  | 33,285,380                         |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %  |
|-----|------------|----------|-------|------|
| SSC | 38,000     | 40,600   | 2,600 | 6.84 |
| RIC | 5,900      | 6,300    | 400   | 6.78 |
| LIX | 28,100     | 30,000   | 1,900 | 6.76 |
| SPM | 23,900     | 25,500   | 1,600 | 6.69 |
| DRH | 1,500      | 1,600    | 100   | 6.67 |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| COM | 24,600     | 22,900   | -1,700 | -6.91 |
| HAR | 11,200     | 10,500   | -700   | -6.25 |
| HSI | 5,000      | 4,700    | -300   | -6.00 |
| HAS | 5,200      | 4,900    | -300   | -5.77 |
| GIL | 29,700     | 28,000   | -1,700 | -5.72 |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VNM | 27,750                | VNM | 27,750                |
| DHG | 9,004                 | DHG | 9,244                 |
| VIC | 6,725                 | DPM | 7,250                 |
| DPM | 3,767                 | VIC | 7,154                 |
| HPG | 3,735                 | HPG | 5,251                 |

### HNX

#### 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| PVX | 4,500      | 4,100    | -8.89 | 27,984                             |
| PGS | 19,700     | 20,000   | 1.52  | 26,906                             |
| FIT | 12,700     | 13,900   | 9.45  | 12,442                             |
| SHB | 6,500      | 6,400    | -1.54 | 11,196                             |
| PVS | 16,000     | 16,100   | 0.63  | 10,075                             |

#### 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %   |
|-----|------------|----------|-------|-------|
| HAT | 23,000     | 25,300   | 2,300 | 10.00 |
| SAF | 40,000     | 44,000   | 4,000 | 10.00 |
| ITQ | 10,100     | 11,100   | 1,000 | 9.90  |
| TAG | 47,800     | 52,500   | 4,700 | 9.83  |
| HBE | 4,100      | 4,500    | 400   | 9.76  |

#### 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %    |
|-----|------------|----------|--------|--------|
| NVC | 700        | 500      | -200   | -28.57 |
| HLC | 9,500      | 7,900    | -1,600 | -16.84 |
| HHL | 700        | 600      | -100   | -14.29 |
| HPB | 13,000     | 11,700   | -1,300 | -10.00 |
| HCC | 12,100     | 10,900   | -1,200 | -9.92  |

#### 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| DBC | 205                   | KLS | 1,879                 |
| BCC | 135                   | AAA | 1,658                 |
| DAD | 90                    | BVS | 968                   |
| EFI | 61                    | DBC | 438                   |
| ECI | 58                    | HUT | 414                   |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Phòng Phân tích**

**E -mail:** [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

**Tel:** (84-4) 3934 3888



**PSI**

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax(84-8) 3914 6969**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng– ĐT: (84-0511)3899338; Fax: (84-0511) 3899339**